

Số: **6648**/CTr-UBND

Đắk Nông, ngày 16 tháng 11 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh Đắk Nông ban hành chương trình hành động cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (*sau đây gọi là Nghị quyết số 18-NQ/TU*) thành các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực, phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh; xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực hiện và đôn đốc, giám sát đối với các cơ quan, đơn vị, đảm bảo tính hiệu quả, khả thi cao nhất.

1.2. Tạo sự thống nhất, quyết tâm cao của toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ, nhân dân các dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Tỉnh ủy, đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

2. Yêu cầu

2.1. Bám sát các quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy để cụ thể hóa, lồng ghép thành các nhiệm vụ, giải pháp thông qua các Đề án, Chương trình, Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của tỉnh để tổ chức thực hiện.

2.2. Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với các Chỉ thị, Nghị quyết, các văn bản chỉ đạo, quy định và hướng dẫn của Trung ương, địa phương; chủ động, sáng tạo trong quá trình xây dựng, thực hiện các Đề án, Dự án, Kế hoạch phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn; tổ chức triển khai có lộ trình, thời gian hoàn thành cụ thể, bảo đảm khả thi, chất lượng và hiệu quả. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách liên quan, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, bảo đảm hiệu quả, khả thi nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

2.3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực thi công vụ; thường

xuyên đơn đốc, kiểm tra, giám sát; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên và đùn đẩy trách nhiệm.

II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU của Tỉnh ủy đồng bộ với các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của tỉnh đã ban hành gắn với những giải pháp cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh có trọng tâm, trọng điểm, phân công rõ trách nhiệm.

2. Các giải pháp, nhiệm vụ, hoạt động cụ thể đề ra phải bám sát 07 nhiệm vụ, giải pháp chính của Nghị quyết và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Việc chỉ đạo, điều hành, giao nhiệm vụ triển khai thực hiện phải rõ ràng, cụ thể về chủ thể chịu trách nhiệm và đảm bảo tính khả thi toàn diện. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, đơn vị gắn với công tác kiểm tra, giám sát.

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới, sáng tạo và khuyến khích, bảo vệ cán bộ, công chức, viên chức dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc; có chế tài xử lý đối với việc không thực hiện tốt nhiệm vụ đúng hạn định; xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ.

III. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU

Phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh và bền vững, trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, lợi thế, nguồn lực của tỉnh. Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao thuộc nhóm trung bình trong khu vực, góp phần quan trọng trong việc ổn định an ninh, kinh tế, chính trị, xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người nông dân; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững.

- *Phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu đến 2025: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển đổi nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiệu quả, chất lượng, giá trị gia tăng cao. Cụ thể:*

(1) Tốc độ tăng trưởng ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân 4,5%/năm.

(2) Giá trị sản xuất đạt trên 95 triệu đồng/ha.

(3) Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 45%.

(4) Phấn đấu tỷ lệ giá trị nông sản sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt đạt 25% trở lên.

(5) Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%.

(6) Công nhận mới thêm 30 sản phẩm OCOP, nâng tổng số sản phẩm OCOP đạt trên 80 sản phẩm đến năm 2025, trong đó có ít nhất 10% sản phẩm đạt 4-5 sao, có ít nhất 45% Hợp tác xã nông nghiệp sở hữu sản phẩm OCOP.

(7) Mở rộng và phát triển thị trường, tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông sản đạt bình quân 5%/năm; đến năm 2025, giá trị xuất khẩu đạt trên 1,2 tỷ USD.

(8) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 40% gắn với nâng cao chất lượng rừng và phát triển kinh tế rừng.

- *Định hướng đến năm 2030*: Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, bền vững, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thị trường. Tăng trưởng ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2030 đạt trên 5,1%; phần đầu giá trị sản xuất đạt trên 150 triệu đồng/ha; công nhận mới thêm ít nhất 40 sản phẩm OCOP, trong đó có trên 15% sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4-5 sao, có ít nhất 60% Hợp tác xã nông nghiệp sở hữu sản phẩm OCOP; tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 42%, kinh tế rừng phát triển bền vững.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông gắn với các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy; Nghị quyết của HĐND tỉnh; Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Các Sở, ngành, UBND các cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện lồng ghép hiệu quả các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành để phát triển nông nghiệp, phù hợp với quy hoạch kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông và đảm bảo đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu tại Nghị quyết 18-NQ/TU đặt ra.

- Thực hiện nghiêm Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là sự giám sát của Nhân dân đối với phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động về phát triển nông nghiệp bền vững

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp bền vững; phát huy vai trò của công tác khuyến nông trong tuyên truyền, đào tạo, chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; đa dạng hình thức thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm để giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông qua nhiều phương thức như: nông dân đào tạo nông dân, doanh nghiệp đào tạo nông dân, đào tạo trực tuyến, tư vấn online, hội thảo, hội nghị đầu bờ,... nhằm chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp để mỗi hộ dân, Tổ hợp tác, Hợp tác xã, trang trại trở thành doanh nghiệp.

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân tiếp cận và ứng dụng công nghệ cao; công nghệ số; nhật ký điện tử, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến,... Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, nâng cao tay nghề trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Đến năm 2025, tổng số lao động được tạo việc làm cả giai đoạn trên 90.000 lượt người; đào tạo nghề cho trên 20.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57,5%.

- UBND cấp huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức, phát động các phong trào thi đua sản xuất giỏi, hướng đến nền nông nghiệp bền vững; tổ chức đào tạo, tập huấn; vận động người dân tích cực hưởng ứng, mạnh dạn tham gia vào các chương trình, dự án và kiên trì tuân thủ các tiêu chí, quy định về sản xuất có chứng nhận, nông nghiệp hữu cơ, thuận theo tự nhiên, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,...

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; đồng thời tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung chính sách hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa tỉnh nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, trong đó tập trung một số nội dung chủ yếu sau:

+ Chính sách về nông nghiệp để hỗ trợ: (1) Hình thành vùng sản xuất tập trung, hàng hóa; (2) Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn đảm bảo an toàn thực phẩm (*VietGAP, hữu cơ, HACCP, ISO 22000...*); (3) Phát triển mã vùng trồng, cơ sở đóng gói; (4) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (5) Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; (6) Phát triển sản phẩm OCOP; (7) Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; (8) Hỗ trợ lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách; (9) Hỗ trợ lực lượng khuyến nông cộng đồng;...

+ Chính sách thu hút đầu tư, đất đai, tài chính, tín dụng, thuế: Đổi mới cơ chế, đơn giản thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận các ưu đãi về đất đai, nguồn vốn, thuế,... để phục vụ sản xuất.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến xóa nghèo. Đối với những người nghèo ở các vùng thuận lợi thì tạo điều kiện, hỗ trợ về: khoa học kỹ thuật, cung ứng vật tư nông nghiệp,... thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia; tạo nguồn sinh kế để họ tự tin, chủ động vươn lên cải thiện đời sống. Đối với các địa phương nghèo và các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số thì tập trung ưu tiên hỗ trợ, mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội tới tất cả đối tượng dễ bị tổn thương, các đối tượng yếu thế.

4. Tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường

- Tích hợp quy hoạch nông nghiệp vào “Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050” làm định hướng cho phát triển dài hạn; khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh địa phương, bảo đảm cho sự phát triển đồng bộ, thống nhất, hiệu quả để phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững.

- Rà soát, điều chỉnh, triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình, Đề

án, Kế hoạch đã ban hành để phát triển nông nghiệp, phù hợp với quy hoạch kinh tế xã hội và tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp; duy trì tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp theo hướng: giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp; nâng cao hệ số sử dụng đất nông nghiệp.

- Về trồng trọt: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế cạnh tranh; rà soát, định hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn theo nhu cầu thị trường; tập trung các ngành hàng chủ lực, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, hoa, rau củ quả, cây Mắc ca, cây dược liệu,... Đồng thời, thực hiện sản xuất có chứng nhận; áp dụng công nghệ cao; liên kết chuỗi giá trị; phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Về chăn nuôi: Quy hoạch và phát triển các vùng phát triển chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo quy mô công nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường, an toàn sinh học và dịch bệnh. Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung.

- Về thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản, tập trung vào các loài đặc sản, có giá trị kinh tế cao.

- Về lâm nghiệp: Khuyến khích phát triển mô hình nông lâm kết hợp, quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững, nâng cao chất lượng rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái; phát triển kinh tế rừng, thực thi hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

5. Chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp của tỉnh; thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin để làm cơ sở cho việc quy hoạch; quản lý vùng nguyên liệu; khuyến nông điện tử; kêu gọi đầu tư; xúc tiến thương mại;... Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp như: (1) Nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa; (2) Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; (3) Ứng dụng công nghệ cao (*công nghệ sinh học; công nghệ tự động hóa, hệ thống cảm biến điều khiển ánh sáng, âm độ, nhiệt độ tự động; công nghệ tưới nước nhỏ giọt, tiết kiệm, kết hợp bón phân tự động,...*); (4) Ứng dụng hệ thống điều khiển tự động trong phân loại, sơ chế sản phẩm; (5) Hệ thống bảo quản, đóng gói sản phẩm sau thu hoạch; (6) Công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp;...

- Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị tiên tiến, hiện đại; gắn với hoàn thiện các sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác; mở rộng diện tích, quy mô sản xuất chứng nhận hàng hóa nông sản đảm bảo điều kiện vệ sinh thực phẩm và đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Hỗ trợ, khuyến khích nông dân đổi mới phương thức sử dụng vật tư nông nghiệp: tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ

thực vật sinh học, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp,... để nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua các chuyên đề, hội thảo, hội nghị đầu bờ, tập huấn...

- Xây dựng thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (*chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...*), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (*du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ,...*). Tập trung hỗ trợ các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến để nâng cao sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

6. Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại; đổi mới mạnh mẽ các loại hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị

- Phát triển kinh tế tập thể: Củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại nông nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ dân chủ động liên kết để nâng cao năng lực, quy mô sản xuất; tập trung phát triển các hình thức kinh doanh dịch vụ như: dịch vụ cơ giới, dịch vụ cung ứng vật tư, thu mua, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi từ các “chuỗi cung ứng nông sản” sang phát triển “chuỗi giá trị ngành hàng”; lấy chuỗi liên kết ngang, dọc của các ngành hàng hiện có để kết nối, xây dựng chuỗi giá trị khép kín, gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích; tập trung các ngành hàng nông sản chủ lực, tiềm năng của tỉnh và thế mạnh của từng địa phương.

- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp; hình thành hệ thống các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đóng vai trò hạt nhân (*cung cấp đầu vào, chế biến, thương mại*) liên kết với nông dân, dẫn dắt chuỗi giá trị và phát triển thị trường thông qua các nhóm hộ, hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, đảm bảo đầu ra ổn định.

- Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa nông sản gắn với triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) và xây dựng nông thôn mới.

7. Đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nền sản xuất hàng hóa, hiện đại và đa mục tiêu

- Rà soát, xây dựng kế hoạch ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông nội đồng, giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các đường tỉnh lộ hay quốc lộ kết nối không gian phát triển giữa các vùng, khu vực, địa phương. Đầu tư, hình thành một số khu, cụm công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp (kho, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống,...); phát triển dịch vụ logistic gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Luật Thủy lợi đảm bảo phù hợp với thực tế. Phát triển thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành theo hướng đa chức năng để phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, dân sinh và sản xuất công nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ chuỗi lạnh, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm, cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường (*xử lý nước thải, rác thải, tái sử dụng phế, phụ phẩm, ...*).

- Đầu tư xây dựng hạ tầng, trước mắt là Khu nông nghiệp công nghệ cao tỉnh và các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được công nhận để phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản.

8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro - phòng chống thiên tai; giảm phát thải khí nhà kính

- Rà soát, điều tiết, thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng địa phương; đặc biệt ở vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, điều chỉnh mùa vụ phù hợp với sự biến đổi của thời tiết, khí hậu.

- Rà soát, đề xuất quy hoạch các vùng, khu vực chăn nuôi tập trung trên địa bàn các huyện, gồm: Đắc Song, Đắc Glong, Tuy Đức, Cư Jút và Krông Nô để phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, hạn chế chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ nhằm kiểm soát tốt dịch bệnh, an toàn thực phẩm, đảm bảo môi trường sinh thái. Ưu tiên phát triển chăn nuôi tại các khu vực đất cần cỗi, các khu vực cách xa khu dân cư, trường học, bệnh viện, nguồn nước,... đảm bảo khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo đúng quy định hiện hành.

- Tăng cường công tác kiểm dịch, chủ động xây dựng kế hoạch, theo dõi diễn biến dịch bệnh, kịp thời phát hiện và xử lý khi dịch bệnh xảy ra, không để phát triển trên diện rộng.

- Chủ động dự báo, cảnh báo thiên tai; trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống cũng như nâng cao kỹ năng ứng phó với thiên tai của người dân.

- Tập trung bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên hiện có, giảm thiểu thấp nhất các hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp, nhất là đối với hành vi phá rừng trái pháp luật; ưu tiên phát triển kinh tế rừng bằng các hình thức nông lâm kết hợp, trồng dược liệu dưới tán rừng, du lịch sinh thái...; khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng, trồng cây gỗ bản địa, cây lâm sản ngoài gỗ (cây đa mục đích). Từng bước tham gia thị trường tín chỉ Các bon.

9. Thu hút mạnh mẽ nguồn lực để phục vụ cho phát triển nông nghiệp

- Xây dựng môi trường thu hút đầu tư thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khi đến tìm hiểu, nghiên cứu, hợp tác lâu dài và hiệu quả tại địa phương; thực hiện rà soát, xác định quỹ đất sạch tại các địa phương, đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư; xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư, đảm bảo đầy đủ thông tin đáp ứng các yêu cầu của nhà đầu tư.

- Thực hiện thu hút, hợp tác đầu tư có chọn lọc; ưu tiên khuyến khích thu hút các doanh nghiệp có công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ chế biến sâu nông sản, hoạt động thu mua, kho chứa nông sản, phát triển dịch vụ logistics... để dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản

xuất - chế biến và tiêu thụ tại địa phương, làm đòn bẩy cho nông nghiệp của tỉnh phát triển.

- Hỗ trợ khởi nghiệp doanh nghiệp theo hướng tạo điều kiện để nâng cấp các trang trại sẵn có trên địa bàn tỉnh, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất để hình thành doanh nghiệp mới.

- Khai thác hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại để mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch. Chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản hiện đại, minh bạch. Thực hiện xúc tiến thương mại dưới nhiều hình thức để giới thiệu, quảng bá các sản phẩm có chất lượng cao trên Website của tỉnh, ngành, doanh nghiệp; tăng cường tham gia Hội chợ Quốc tế và trong nước để quảng bá sản phẩm và tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm sản xuất cũng như tìm đối tác đầu tư phát triển sản xuất; tăng cường trao đổi các sản phẩm sản xuất của tỉnh với các siêu thị trên địa bàn cả nước.

- Huy động nguồn lực từ các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA); lồng ghép nguồn kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; các chương trình, dự án khác và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp để phục vụ phát triển nông nghiệp của tỉnh.

10. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

- Sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và các văn bản liên quan.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại và chuyên nghiệp. Tiếp tục rà soát bãi bỏ và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường kiểm soát thủ tục hành chính; hạn chế can thiệp bằng các biện pháp hành chính vào các quyết định sản xuất kinh doanh thuộc năng lực và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức và hoạt động khuyến nông, đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với từng loại hình sản xuất và địa phương; nâng cao năng lực, vai trò hệ thống khuyến nông các cấp và hệ thống dịch vụ công nhà nước đủ năng lực để tư vấn, hỗ trợ nông dân sản xuất, liên kết chuỗi giá trị;... phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng; phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Thành lập các hội ngành hàng, hiệp hội nghề nghiệp để hỗ trợ, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động; quyết liệt thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kịp thời

phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm của công chức, viên chức và người lao động.

- Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường trên địa bàn toàn tỉnh.

V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CỦA CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Phân công đơn vị chủ trì thực hiện các đề án, nhiệm vụ cụ thể (tại các Phụ lục kèm theo Chương trình này).

2. Đối với các nhiệm vụ, đề án được Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao bổ sung liên quan đến giải pháp, thực hiện chỉ đạo điều hành phát triển nông nghiệp bền vững các Sở, ngành có liên quan và địa phương chịu trách nhiệm thực hiện và báo cáo tổng kết cùng với Chương trình này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, đề án tại Chương trình hành động này. Chịu trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng, yêu cầu đề ra.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các Tổ chức chính trị, xã hội phối hợp tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình, đảm bảo đúng kế hoạch.

3. Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan căn cứ Chương trình hành động, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, giải pháp thực hiện. Định kỳ hàng năm (trước ngày 05/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc, giám sát và đánh giá các đơn vị thực hiện nhiệm vụ. Định kỳ theo yêu cầu của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; tham mưu UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Chương trình này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NNTNMT_(LTT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

Phụ lục I:

Phân công thực hiện, theo dõi chỉ tiêu cụ thể của Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 6648/CTr-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

| TT | Chỉ tiêu | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Cơ quan phối hợp | Thời gian | Hình thức văn bản | Ghi chú |
|----------|---|--|---|---------------------|-------------------|---------|
| I | Mục tiêu đến năm 2025 | | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân 4,5%/năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cục Thống kê; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 2 | Giá trị sản xuất đạt trên 95 triệu đồng/ha | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Cục Thống kê; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 3 | Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 45% | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Cục Thống kê; Liên minh Hợp tác xã; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 4 | Phần đầu tỷ lệ giá trị nông sản sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt đạt 25% trở lên | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Cục Thống kê; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 5 | Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30% | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Cục Thống kê; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 6 | Công nhận mới thêm 30 sản phẩm OCOP, nâng tổng số sản phẩm OCOP đạt trên 80 sản phẩm đến năm 2025, trong đó có ít nhất 10% sản phẩm đạt 4-5 sao, có ít nhất 45% Hợp tác xã nông nghiệp sở hữu sản phẩm OCOP | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Cục Thống kê; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |

| TT | Chỉ tiêu | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Cơ quan phối hợp | Thời gian | Hình thức văn bản | Ghi chú |
|-----------|--|---|--|---------------------|-------------------|---------|
| 7 | Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng và phát triển thị trường; tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông sản đạt bình quân 5%/năm; đến năm 2025, giá trị xuất khẩu đạt trên 1,2 tỷ USD | Sở Công Thương | Cục quản lý thị trường; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 8 | Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 40% gắn với nâng cao chất lượng rừng và phát triển kinh tế rừng | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thống kê; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| II | Mục tiêu đến năm 2030 | | | | | |
| 1 | Tăng trưởng ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2030 đạt 5,1% | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 2 | Phân đầu giá trị sản xuất đạt trên 150 triệu đồng/ha | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 3 | Công nhận mới thêm ít nhất 40 sản phẩm OCOP, trong đó có trên 15% sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4-5 sao, có ít nhất 60% Hợp tác xã nông nghiệp sở hữu sản phẩm OCOP | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |
| 4 | Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 42%, kinh tế rừng phát triển bền vững | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Báo cáo | |

Phụ lục II

Phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số .../CTr-UBND ngày .../11/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|-----------|---|---|---|-----------------------------|---|--------------------------|
| I | Nhóm nhiệm vụ thứ 1: Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông gắn với các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy; Nghị quyết của HĐND tỉnh; Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn | | | | | |
| 1 | Tham mưu triển khai thực hiện và theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao hàng năm | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Văn bản chỉ đạo |
| 2 | Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ hàng năm của đơn vị, địa phương; lồng ghép hiệu quả các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành để phát triển nông nghiệp, phù hợp với quy hoạch kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Hàng năm | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quyết định/Kế hoạch |
| 3 | Tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết Nghị quyết đến năm 2025; giai đoạn 2026-2030. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý III/2023 và Quý IV/2025 | Tỉnh ủy, UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết, tổng kết |
| II | Nhóm nhiệm vụ thứ 2: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động về phát triển nông nghiệp | | | | | |
| 4 | Thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững trong giai | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành | tháng 12/2023 | UBND tỉnh | Báo cáo |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|------------|---|-------------------------------------|--|--|-------------------------------|--|
| | đoạn phát triển mới bằng nhiều hình thức | thôn | phố Gia Nghĩa | | | |
| 5 | Thực hiện các chuyên đề về phát triển nông nghiệp bền vững nhằm nâng cao hiệu quả công tác truyền thông để giúp người dân dễ dàng tiếp cận. | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022-2024 | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 6 | Rà soát nhu cầu và tổ chức đào tạo nghề, nâng cao tay nghề trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp bền vững phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương. Đến năm 2025, tổng số lao động được tạo việc làm cả giai đoạn trên 90.000 lượt người; Đào tạo nghề cho trên 20.000 người; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 57,5% | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Chi nhánh ngân hàng chính sách tỉnh; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và 01 năm | Tỉnh ủy, HƢND và UBND tỉnh | Báo cáo |
| 7 | Tổ chức Hội thi, phát động các phong trào thi đua sản xuất giỏi gắn với nông nghiệp bền vững; ứng dụng công nghệ cao | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các Sở, Ban, ngành | 2023-2025 | Tỉnh ủy, UBND tỉnh | Báo cáo |
| 8 | Tuyên truyền, phổ biến các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng vào sản xuất gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022-2023 | UBND tỉnh | Báo cáo |
| III | Nhóm nhiệm vụ thứ 3: Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp | | | | | |
| 9 | Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách, quy định của Trung ương và địa phương về thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Theo văn bản TW; của Tỉnh ủy, HƢND tỉnh và UBND tỉnh | Tỉnh ủy, HƢND tỉnh, UBND tỉnh | Văn bản chỉ đạo; Báo cáo kết quả triển khai thực hiện |
| 10 | Rà soát, ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với các chủ trương, chính sách của Trung ương và với tiềm năng, thế mạnh, điều kiện thực tiễn của địa phương | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Năm 2023 | HƢND tỉnh; UBND tỉnh | Nghị quyết QLPL của HƢND tỉnh; Quyết định QPPL của UBND tỉnh |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|----|--|--|---|----------------------|-----------|--|
| 11 | Thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến xóa nghèo | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Báo cáo kết quả triển khai thực hiện |
| 12 | Triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông “về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” đảm bảo các chỉ tiêu đề ra | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Báo cáo kết quả triển khai thực hiện |
| 13 | Xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ nhân viên khuyến nông cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Năm 2022 | HĐND tỉnh | Nghị quyết QPPL HĐND tỉnh |
| 14 | Triển khai Kế hoạch phát triển các sản phẩm OCOP | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Báo cáo kết quả |
| 15 | Rà soát, đánh giá và tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung: Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Năm 2023 | HĐND tỉnh | Nghị quyết của HĐND tỉnh; Kế hoạch của UBND tỉnh |
| 16 | Triển khai phát triển mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu đối với các loại nông sản chủ lực, thế mạnh của tỉnh. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Báo cáo kết quả thực hiện |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|-----------|--|--|---|---------------------------------------|--|--|
| IV | Nhóm nhiệm vụ thứ 4: Tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường | | | | | |
| 17 | Hoàn thành nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 theo đúng quy định để khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế của địa phương làm cơ sở phát triển đồng bộ, bền vững về kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng... | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Năm 2022 | Thủ tướng CP, UBND tỉnh | Báo cáo của UBND tỉnh/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 18 | Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2035 tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý IV/2022 | UBND tỉnh | Kế hoạch; Báo cáo |
| 19 | Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 tại Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 01/4/2022 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Báo cáo |
| 20 | Xây dựng phương án, kế hoạch, lộ trình hỗ trợ chuyển đổi cây trồng để hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến; áp dụng công nghệ cao, liên kết hình thành chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2023 | UBND tỉnh | Quyết định/Kế hoạch; Báo cáo |
| 21 | Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển chỉ dẫn địa lý, bảo hộ hàng hóa nông sản của tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2025 | UBND tỉnh | Kế hoạch |
| 22 | Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2025. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Kế hoạch năm 2022; thực hiện hàng năm | UBND tỉnh | Kế hoạch; Báo cáo |
| 23 | Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND | Kế hoạch năm 2022; | UBND tỉnh | Kế hoạch; Báo cáo |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|----------|--|--|--|---|-----------|--|
| | | triển nông thôn | các huyện, thành phố Gia Nghĩa | thực hiện hàng năm | | |
| 24 | Triển khai thực hiện Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| 25 | Triển khai Kế hoạch số 492/KH-UBND ngày 24/7/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược và Đề án phát triển thủy sản tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, tầm nhìn 2045 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| V | Nhiệm vụ thứ 5: Chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp | | | | | |
| 26 | Triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2023 | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 27 | Xây dựng các mô hình nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn... | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông | Theo chương trình, kế hoạch cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương | UBND tỉnh | Báo cáo kết quả tình hình triển khai thực hiện định kỳ |
| 28 | Triển khai thực hiện Kế hoạch tái canh, ghép cải tạo cây cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| 29 | Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 734/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành; UBND | Hàng năm, giai đoạn | UBND tỉnh | Báo cáo |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|----|--|--|---|----------------------|--|----------------------------|
| | khai thực hiện Chương trình số 25-CTr/TU ngày 27/8/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp trước xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư | | các huyện, thành phố Gia Nghĩa | | | |
| 30 | Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa; công nghệ vật liệu mới; cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, điều khiển tự động,... | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2023 | UBND tỉnh | Đề tài/Dự án; Báo cáo |
| 31 | Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức/cá nhân sản xuất hàng hóa nông sản áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng vào sản xuất, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và phù hợp với yêu cầu thị trường; tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Công văn; Báo cáo |
| 32 | Triển khai thực hiện Kế hoạch số 677/KH-UBND ngày 23/11/2021 ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, tạo động lực tái cơ cấu nền nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | UBND tỉnh | Công văn; Báo cáo |
| 33 | Đổi mới phương thức sử dụng vật tư nông nghiệp: tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp,... để nâng cao hiệu quả sản xuất, hướng đến nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm nhằm tạo ra các sản phẩm sạch và thân thiện với môi trường. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; giai đoạn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Văn bản hướng dẫn; Báo cáo |
| 34 | Hỗ trợ xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi,... gắn với truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, thể mạnh của tỉnh đáp ứng các điều kiện và yêu cầu của thị trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Công văn; Báo cáo |
| 35 | Xây dựng và thực hiện các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp; đẩy mạnh thí điểm | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND | Hàng năm | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Công văn; Báo cáo |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|------------|--|--|--|----------------------|--|---|
| | và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường; hỗ trợ các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến để nâng cao sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh | triển nông thôn | các huyện, thành phố Gia Nghĩa | | Phát triển nông thôn | |
| VI | Nhóm nhiệm vụ thứ 6: Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại; đổi mới mạnh mẽ các loại hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị | | | | | |
| 36 | Xây dựng hoàn thiện Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030; triển khai thực hiện hiệu quả Đề án; củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại, trong đó tập trung phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2030 | UBND tỉnh | Đề án; Báo cáo |
| 37 | Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 578/KH-UBND ngày 21/8/2021 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình số 15-CTr/TU ngày 11/6/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản đáp ứng chuỗi liên kết giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2026 | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 38 | Xây dựng kế hoạch phát triển các ngành hàng nông sản chủ lực, tiềm năng của tỉnh và thế mạnh của từng địa phương theo chuỗi giá trị. | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2024 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Báo cáo |
| 39 | Thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) và xây dựng nông thôn mới | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Quyết định; Báo cáo |
| VII | Nhóm nhiệm vụ thứ 7: Đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nền sản xuất hàng hóa, hiện đại và đa mục tiêu | | | | | |
| 40 | Rà soát các hạng mục công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, cơ sở hạ tầng phục vụ vùng sản xuất tập trung, vùng ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp bền vững; xây dựng kế hoạch, ưu tiên nguồn vốn để thực hiện hàng năm trong giai đoạn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các Sở, Ban, ngành | Hàng năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Báo cáo; Kế hoạch; Quyết định phê duyệt |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|-------------|---|--|---|------------------------------------|-----------|--|
| | 2022-2025 | | | | | |
| 41 | Triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics Việt Nam đến 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (ban hành kèm theo Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh) | Sở Công Thương | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| 42 | Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật số, hạ tầng viễn thông làm nền tảng cho chuyển đổi số trong nông nghiệp | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2023-2024 | UBND tỉnh | Kế hoạch |
| 43 | Hỗ trợ, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản tại các vùng sản xuất tập trung, vùng ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất nông nghiệp bền vững thông qua các nguồn vốn từ các Chính sách, Dự án, Chương trình có liên quan (<i>chính sách về liên kết, thu hút đầu tư, Dự án WB, Vn-SAT, UNDP, Chương trình xây dựng nông thôn mới, ...</i>) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 44 | Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Giao thông vận tải | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; 03 năm, 5 năm, giai đoạn | UBND tỉnh | Báo cáo |
| VIII | Nhóm nhiệm vụ thứ 8: Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro - phòng chống thiên tai; giảm phát thải khí nhà kính | | | | | |
| 45 | Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình số 24-CTr/TU ngày 27/8/2021 của Tỉnh ủy về quản lý, bảo vệ, khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, nhằm quản lý và khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| 46 | Rà soát, đề xuất quy hoạch các vùng, khu vực chăn nuôi tập trung trên địa bàn các huyện, đặc biệt là 04 huyện, gồm: Đắk Song, Đắk G'Long, Tuy Đức và Krông Nô để phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, hạn chế chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ nhằm kiểm soát tốt dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2030 | UBND tỉnh | Văn bản/Quyết định |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|-----------|--|--|---|-----------------------------------|--|--|
| | môi trường sinh thái | | | | | |
| 47 | Triển khai thực hiện Kế hoạch số 577/KH-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Quyết định 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm; 3 năm, 5 năm, giai đoạn | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 48 | Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Kế hoạch |
| 49 | Triển khai thực hiện Đề án an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Năm 2022-2023 | UBND tỉnh | Kế hoạch |
| 50 | Điều tiết cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhất là các cây trồng ở vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, điều chỉnh mùa vụ phù hợp với sự biến đổi của thời tiết, khí hậu | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Năm 2022-2024 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Hướng dẫn; Báo cáo |
| 51 | Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy, về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có, tăng cường công tác phục hồi và phát triển rừng để đạt chỉ tiêu về tỉ lệ che phủ rừng | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| 52 | Triển khai thực hiện Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| IX | Nhóm nhiệm vụ thứ 9: Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường; thu hút nguồn lực cho phát triển nông nghiệp | | | | | |
| 53 | Xây dựng cơ chế chính sách thu hút các thành phần kinh tế tham | Sở Kế hoạch | Các Sở, Ban, | Năm 2022 | HĐND | Nghị quyết về |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|----|---|---------------------------------------|---|----------------------------|-----------|--|
| | gia vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là các cơ chế chính sách ưu đãi đối với từng lĩnh vực: ứng dụng công nghệ cao, chế biến sâu, nông nghiệp số, nông nghiệp hữu cơ...theo quy định của pháp luật | và Đầu tư | ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | | tỉnh | lĩnh vực: ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản, nông nghiệp hữu cơ... |
| 54 | Xây dựng chương trình, kế hoạch để kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư lớn, chiến lược, tiềm lực tài chính mạnh vào đầu tư một số dự án lớn trong nông nghiệp (ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất, xây dựng nhà máy chế biến sâu) | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Chương trình/kế hoạch |
| 55 | Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các loại cây trồng vật nuôi thế mạnh của từng địa phương để quảng bá giới thiệu đến các thành phần kinh tế có nhu cầu liên kết hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các Sở, Ban, ngành | 2022-2023 | UBND tỉnh | Hệ thống cơ sở dữ liệu chung |
| 56 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp bền vững, thông minh, hiện đại | Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Đắk Nông | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2023 | HĐND tỉnh | Nghị quyết |
| 57 | Triển khai thực hiện Kế hoạch số 554/KH-UBND ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng chủ lực tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 | Sở Công Thương | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| 58 | Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh) | Sở Công Thương | Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết |
| 59 | Xây dựng và triển khai kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh và chất lượng cao của tỉnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước | Sở Công Thương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các Sở, | 2022-2025 | UBND tỉnh | Kế hoạch |

| TT | NHIỆM VỤ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | CẤP TRÌNH | HÌNH THỨC VĂN BẢN |
|----|--|--|---|---|-----------|-----------------------|
| | | | Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | | | |
| 60 | Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển kênh sản xuất, phân phối, tiêu thụ nông sản theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và Đề án nâng cấp hệ thống thông tin thị trường nông sản tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2030 | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 61 | Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; tham gia Hội chợ Quốc tế và trong nước | Sở Công Thương | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Hàng năm | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 62 | Xây dựng “Kế hoạch phát triển trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông” sau khi Quy hoạch tỉnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và có hiệu lực thi hành | Sở Công Thương | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông | UBND tỉnh | Kế hoạch |
| 63 | Xây dựng chương trình, kế hoạch nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến | Cục Quản lý thị trường tỉnh Đắk Nông | Sở Công Thương; Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | 2022-2025 | UBND tỉnh | Chương trình/Kế hoạch |
| 64 | Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông sản đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Quý II/2023 và Quý IV/2025 | UBND tỉnh | Báo cáo |
| 65 | Tổ chức hội nghị xúc tiến thương mại thường niên cấp tỉnh | Sở Công Thương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông | Quý III hàng năm | UBND tỉnh | Kế hoạch |

